

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*  
*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*  
*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*  
*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*  
*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*  
*Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*  
*Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 149/TTr-SYT ngày 14 tháng 6 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:

a) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; nhà khách của Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các khu, cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa khác không thuộc danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (trừ các cơ sở thực phẩm do Trung ương quản lý).

3. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 3 như sau:

d) Phối hợp với cơ quan quản lý cấp trên quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc với thực phẩm, hương liệu thực phẩm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (trừ các cơ sở thực phẩm được phân cấp tại điểm c, khoản 1 Điều này).

4. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

a) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, khách sạn, nhà khách của Ủy ban nhân dân cấp huyện không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn (trừ các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các khu, cụm công nghiệp được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

5. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 3 như sau:

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa khác không thuộc danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trên địa bàn do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

6. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 3 như sau:

d) Cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa khác không thuộc danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trên địa bàn thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021.

2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế (b/c);
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**